



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2013



Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Thông tin về Công ty

**Giấy phép Thành lập và
Hoạt động số**

24/UBCK-GP
40/GPĐC-UBCK

Ngày 28 tháng 12 năm 2007
Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Giấy phép Thành lập và Hoạt động được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 40/GPĐC-UBCK. Giấy phép Thành lập và Hoạt động được Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Albert Kwang-Chin Ting	Chủ tịch
Ông Ho Feng Tao	Thành viên
Ông Wu Jin Jeng	Thành viên
Ông Chen Shen Yaw	Thành viên
Ông Chen Chi-Chung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Ho Feng Tao	Tổng Giám đốc (từ ngày 8/1/2013)
Ông Nguyễn Nam Trung	Tổng Giám đốc (đến ngày 8/1/2013)

Trụ sở đăng ký

Tầng 2, Tòa nhà Lawrence S.Ting
801 Nguyễn Văn Linh, phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh,
Việt Nam

Đơn vị kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Báo cáo của Ban Quản lý

Ban Quản lý Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc Ban hành chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Quản lý Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 19 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc Ban hành chế độ kế toán áp dụng cho Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Quản lý Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Quản lý Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Ban Quản lý



Albert Kwang-Chin Ting
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

**KPMG Limited**

46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (4) 3946 1600
Fax +84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán đính kèm của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Quản lý Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến 19.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo Thông tư số 125/2011/TT – BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

3343
TY
HỮU
IG
TP. V

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT – BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài Chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 13-02-10C



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0339-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Tâm Anh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0651-2013-007-1

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2014

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B01-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 150)	100		27.316.873.512	15.983.457.420
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	10.300.350.038	15.848.627.991
1. Tiền	111		89.699.520	45.992.605
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.210.650.518	15.802.635.386
II. Các khoản đầu tư ngắn hạn	120		17.000.000.000	-
1. Các khoản đầu tư ngắn hạn	121	5	17.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		551.500	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		551.500	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	6	15.971.974	134.829.429
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15.971.974	110.537.762
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	24.291.667
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 220 + 260)	200		393.101.097	283.969.978
III. Tài sản cố định	220		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	7	-	-
<i>Nguyên giá (điều chỉnh lại)</i>	228		397.464.302	397.464.302
<i>Giá trị hao mòn lũy kế (điều chỉnh lại)</i>	229		(397.464.302)	(397.464.302)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		393.101.097	283.969.978
3. Tài sản dài hạn khác	268	8	393.101.097	283.969.978
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		27.709.974.609	16.267.427.398

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)

Mẫu B01-CTQ

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
NGUỒN VỐN				
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		335.189.646	21.144.996
I- Nợ ngắn hạn	310		335.189.646	21.144.996
2. Phải trả người bán	312		233.992.000	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	10	29.922.896	21.144.996
5. Phải trả công nhân viên	315		71.274.750	-
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.374.784.963	16.246.282.402
1. Vốn cổ phần	411	11	39.000.000.000	28.000.000.000
2. Lỗ lũy kế	420		(11.625.215.037)	(11.753.717.598)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		27.709.974.609	16.267.427.398

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập



Phạm Tuấn Minh
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt



Albert Kwang-Chin Ting
Chủ tịch HĐQT

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
1. Tổng doanh thu	01	12	2.850.000.000	-
5. Lợi nhuận gộp (20 = 01)	20		2.850.000.000	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	13	1.208.797.311	490.725.416
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	14	3.930.294.750	1.265.041.995
9. Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 - 21 - 25)	30		128.502.561	(774.316.579)
10. Thu nhập khác	31		-	8.020.987
11. Chi phí khác	32		-	98.274.862
12. Lỗ khác - thuần (40 = 31 - 32)	40		-	(90.253.875)
13. Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40)	50		128.502.561	(864.570.454)
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	51	15	-	-
16. Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế (60 = 50 + 51)	60		128.502.561	(864.570.454)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu				
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	16	45	(309)

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập



Phạm Tuấn Minh
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt



Albert Kwang-Chin Ting
Chủ tịch HĐQT

	Vốn cổ phần VND	Lỗ lũy kế VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012	28.000.000.000	(10.889.147.144)	17.110.852.856
Lỗ thuần trong năm	-	(864.570.454)	(864.570.454)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	28.000.000.000	(11.753.717.598)	16.246.282.402
Tăng vốn trong năm	11.000.000.000	-	11.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	128.502.561	128.502.561
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	39.000.000.000	(11.625.215.037)	27.374.784.963

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập



Phạm Tuấn Minh
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt



Albert Kwong-Chin Ting
Chủ tịch HĐQT

	Mã số	2013 VND	2012 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	2.850.000.000	-
Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.254.711.663)	(844.012.751)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	462.811.755	15.564.708.951
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(2.352.363.601)	(1.062.859.899)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(294.263.509)	13.657.836.301
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	21	-	128.020.987
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	22	(17.000.000.000)	2.345.073.000
Tiền thu từ cổ tức và lãi tiền gửi	27	745.985.556	11.253.170
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(16.254.014.444)	2.484.347.157
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	11.000.000.000	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(949.619.268)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	11.000.000.000	(949.619.268)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(5.548.277.953)	15.192.564.190
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	15.848.627.991	656.063.801
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (Thuyết minh số 4) (70=50+60)	70	10.300.350.038	15.848.627.991

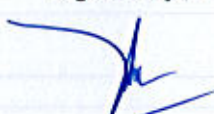
Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập



Phạm Tuấn Minh
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt



Albert Kwang-Chin Ting
Chủ tịch HĐQT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 24/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2007. Các hoạt động chính của Công ty là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư tại Việt Nam và nước ngoài để thực hiện các hoạt động đầu tư tại Việt Nam; nhận các quỹ ủy thác đầu tư và quản lý các danh mục đầu tư; và cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính doanh nghiệp trong lĩnh vực tái cơ cấu tài chính, sáp nhập và mua lại, hợp nhất và phân tách các công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 11 nhân viên (31 tháng 12 năm 2012: 11 nhân viên), trong đó có 7 nhân viên sau có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp:

- Ông Nguyễn Nam Trung
- Ông Nguyễn Đình Đại
- Ông Lương Tôn Phiệt
- Bà Hồ Thúy Ái
- Ông Nguyễn Hoài Sơn
- Bà Nguyễn Thị Lan
- Ông Ho Feng Tao

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Các chính sách kế toán này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung ở các quốc gia khác. Do đó, các báo cáo tài chính đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận chung ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo tài chính này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND").

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái quy định tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(f) Các khoản phải trả

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác được phản ánh theo nguyên giá.

(g) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(h) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Quản lý phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Quản lý phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(i) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(j) Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(k) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư. Các bên liên quan cũng bao gồm các thành viên trong Ban Quản lý của Công ty.

(l) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

(m) Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 5 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chế độ kế toán áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và của Hệ thống Kế toán Việt Nam nếu không được thể hiện trên các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tiền mặt tại quỹ	89.699.520	45.992.605
Tiền gửi ngân hàng	10.210.650.518	15.802.635.386
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.300.350.038	15.848.627.991

5. Đầu tư ngắn hạn

Đầu tư ngắn hạn gồm các khoản tiền gửi tại các tổ chức tín dụng có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng.

6. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Chi phí trả trước ngắn hạn	15.971.974	110.537.762
Các tài sản ngắn hạn khác	-	24.291.667
	15.971.974	134.829.429

7. Tài sản cố định vô hình

	2013 VND	2012 VND (Điều chỉnh lại)
Phần mềm		
Nguyên giá		
Số dư đầu năm và cuối năm	397.464.302	397.464.302
Gía trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm và cuối năm	397.464.302	397.464.302
Gía trị còn lại		
Số dư đầu năm	-	-
Số dư cuối năm	-	-

8. Tài sản dài hạn khác

Tài sản dài hạn khác là các khoản đặt cọc cho các hợp đồng thuê văn phòng dài hạn. Các khoản đặt cọc này sẽ được thu hồi khi hết hạn hợp đồng thuê.

9. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với lỗ tính thuế như sau:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế	2.382.670.733	476.534.147	2.382.670.733	476.534.147

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Số lỗ được khấu trừ VND
2016	1.518.100.279
2017	864.570.454
	2.382.670.733

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

10. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Thuế thu nhập cá nhân	29.922.896	21.144.996

11. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	3.900.000	39.000.000.000	2.800.000	28.000.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	2.800.000	28.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	3.900.000	39.000.000.000	2.800.000	28.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

12. Doanh thu

	2013 VND	2012 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ dịch vụ tư vấn	2.850.000.000	-

Đây là doanh thu tư vấn dịch vụ đầu tư cho Công ty TNHH Phát Triển Phú Định.

13. Thu nhập tài chính

	2013 VND	2012 VND
Thu nhập lãi	1.194.915.561	11.253.170
Lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	13.881.750	-
Lãi thuần từ kinh doanh chứng khoán	-	479.472.246
	<u>1.208.797.311</u>	<u>490.725.416</u>

14. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2013 VND	2012 VND
Chi phí tiền lương	1.469.248.649	755.150.051
Chi phí sửa chữa văn phòng	109.012.495	93.546.378
Chi phí dịch vụ thuê ngoài khác	1.752.397.691	357.235.811
Chi phí khác	599.635.915	59.109.755
	<u>3.930.294.750</u>	<u>1.265.041.995</u>

15. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	128.502.561	-
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	25.700.512	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(25.700.512)	-
	<u>-</u>	<u>-</u>

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất 25%. Từ ngày 1 tháng 7 năm 2013 đến 31 tháng 12 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty giảm từ 25% xuống 20% theo quy định của Thông tư 141/2013/TT-BTC áp dụng đối với doanh nghiệp có tổng thu nhập không quá 20 tỷ đồng.

Vào ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội phê duyệt Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu nhập Doanh Nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016. Đối với doanh nghiệp đang được áp dụng thuế suất ưu đãi 20% thì từ ngày 1 tháng 1 năm 2016 được chuyển sang áp dụng mức thuế suất 17%.

(c) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2013 VND	2012 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	25.700.512	-
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(25.700.512)	-
	-	-

16. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 128.502.561 VND (31 tháng 12 năm 2012: lỗ thuộc về cổ đông là 864.570.454 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 2.887.397 cổ phiếu (31 tháng 12 năm 2012: 2.800.000 VND) được tính như sau:

(a) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2013 VND	2012 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	128.502.561	(864.570.454)

(b) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2013	2012
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành từ năm trước mang sang	2.800.000	2.800.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành ngày 3 tháng 12 năm 2013	87.397	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12	2.887.397	2.800.000

(c) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2013 VND	2012 VND
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	45	(309)

17. Các cam kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có các cam kết thuê sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Trong vòng 1 năm	354.750.000	1.204.597.691
Từ 2 đến 5 năm	-	447.480.000
	354.750.000	1.652.077.691

18. Số liệu so sánh

Một số số liệu so sánh đã được trình bày lại như sau:

	31/12/2012 (Điều chỉnh lại) VND	31/12/2012 (Theo báo cáo trước đây) VND
Tài sản cố định vô hình	-	-
<i>Nguyên giá</i>	397.464.302	-
<i>Khấu hao lũy kế</i>	(397.464.302)	-

Ngày 28 tháng 3 năm 2014

Người lập



Phạm Tuấn Minh
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Thu Trang
Kế toán trưởng

Người duyệt



Albert Kwang Chin Ting
Chủ tịch HĐQT